

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm đ Điều 1.3, Phần 1, Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2026, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 54/2025/TLST-TCDS ngày 16 tháng 10 năm 2025,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H1; địa chỉ: Số E, đường N, phường L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q - Tổng Giám đốc Ngân hàng quản lý tín dụng.

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Minh Q1 - Chuyên viên cao cấp xử lý nợ, Phòng XLN KHCN thế chấp và ông Hoàng Quốc K, sinh năm 1999 - Chuyên viên xử lý nợ, Phòng XLN KHCN thế chấp.

Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1982 và bà Trịnh Thị S, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số nhà C, đường P, Khu phố D, phường B, tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: Ông Phan Văn H và bà Trịnh Thị S hiện còn nợ Ngân hàng TMCP H1 theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 111-00031531.13888/2024/HĐCV ngày 23/04/2024, tính đến hết ngày 14/01/2026 với tổng số tiền 3.122.173.586 đồng (*Ba tỷ một trăm hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng*); trong đó: số tiền nợ gốc là 2.870.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 252.173.586 đồng.

2.2. Cam kết trả nợ: Chậm nhất vào ngày 28/02/2026, ông Phan Văn H và bà Trịnh Thị S có nghĩa vụ tất toán toàn bộ khoản nợ trên và lãi phát sinh từ ngày 15/01/2026 đến khi thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng TMCP H1.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Phan Văn H và bà Trịnh Thị S vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nêu trên thì ngân hàng TMCP H1 có quyền yêu cầu ông Phan Văn H và bà Trịnh Thị S thanh toán ngay toàn bộ số nợ chưa trả theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ đã ký kết nêu trên giữa các bên, đồng thời có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 1112/2023/HĐTC ngày 11/12/2023 đã ký kết giữa các bên để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 13, có diện tích 337,5m² tại phường B, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 397620, số vào sổ cấp GCN: CH02228 do UBND nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12/11/2014 cho ông Phan Văn H và bà Trịnh Thị S.

Đối với tài sản là hàng rào có chiều dài 7,11m, chạy dọc theo đường giao thông do ông Phan Văn H và bà Trịnh Thị S xây dựng (ký hiệu tại các điểm 14-15-16-17, theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Hội đồng thẩm định), vượt ra ngoài diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H và bà S có trách nhiệm tự nguyện phá bỏ để đảm bảo thi hành án nếu phải thi hành án.

2.4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được làm tròn số là 47.222.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Các bên thỏa thuận ông Phan Văn H và bà Trịnh Thị S chịu toàn bộ án phí. Ông H và bà S chưa nộp án phí sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP H1 không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 45.673.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000876 ngày 15/10/2025.

2.5. Về chi phí tố tụng: Số tiền xem xét thẩm định tại chỗ hết 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*); các bên thỏa thuận để ông Phan Văn H và bà Trịnh

Thị S chịu toàn bộ. Do Ngân hàng TMCP H1 đã nộp tạm ứng số tiền trên nên ông H và bà S có trách nhiệm trả lại số tiền 5.500.000 đồng cho Ngân hàng TMCP H1.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của tổng số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, đối với thời gian chậm thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3;
- THA dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

PHAN ANH ĐỨC